

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Huệ	Chủ tịch
Ông Kim Dong Ju	Phó Chủ tịch
Ông Lee Eun Hong	Thành viên
Ông Kim Jung Heon	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên
Ông Trần Như Tùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Kim Dong Ju	Tổng Giám đốc
Ông Kim Soung Gyu	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty và Đại diện cho Ban Giám đốc,



Kim Dong Ju
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Số: *110* /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 18 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 43. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Vu Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 18 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.049.492.166.924	994.563.475.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	99.419.205.174	140.749.128.463
1. Tiền	111		63.719.205.174	94.049.128.463
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.700.000.000	46.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	4.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.500.000.000	4.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240.442.134.067	190.871.299.911
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	178.976.460.085	135.467.703.940
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		43.439.971.958	40.189.207.228
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.850.301.999	1.850.301.999
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.407.419.491	17.594.937.732
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.232.019.466)	(4.232.019.466)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.168.478
IV. Hàng tồn kho	140	9	643.879.160.139	624.547.232.466
1. Hàng tồn kho	141		658.954.159.810	646.309.201.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.074.999.671)	(21.761.969.447)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.251.667.544	33.895.814.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.415.994.443	6.145.585.106
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.835.673.101	27.748.380.950
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.848.565

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.246.757.038.794	1.065.554.933.518
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		35.000.000	35.000.000
II. Tài sản cố định	220		744.429.296.063	718.871.207.195
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	558.999.998.406	553.158.855.198
- Nguyên giá	222		1.290.395.684.321	1.275.903.829.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(731.395.685.915)	(722.744.973.949)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	89.958.702.923	68.858.326.771
- Nguyên giá	225		96.365.277.415	71.341.985.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.406.574.492)	(2.483.658.562)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	95.470.594.734	96.854.025.226
- Nguyên giá	228		111.740.833.762	111.740.833.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.270.239.028)	(14.886.808.536)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	116.388.569.744	118.479.226.677
- Nguyên giá	231		117.556.801.651	121.280.625.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.168.231.907)	(2.801.398.903)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		109.363.671.518	20.916.163.961
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	109.363.671.518	20.916.163.961
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		135.957.986.058	134.937.172.144
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	132.555.742.458	132.084.972.844
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	5.352.050.000	5.352.050.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.949.806.400)	(2.499.850.700)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		140.582.515.411	72.316.163.541
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	138.521.545.195	70.275.464.954
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	2.060.970.216	2.040.698.587
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.296.249.205.718	2.060.118.408.979

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.467.936.411.945	1.246.605.367.379
I. Nợ ngắn hạn	310		1.136.718.115.949	986.291.360.995
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	235.896.669.327	128.808.944.147
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.550.465.987	93.812.369.982
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	6.249.038.223	3.560.236.202
4. Phải trả người lao động	314		39.429.969.507	59.794.359.604
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	51.261.960.281	10.766.268.840
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	5.465.056.470	32.035.506.631
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	676.207.066.674	646.902.840.898
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		47.657.889.480	10.610.834.691
II. Nợ dài hạn	330		331.218.295.996	260.314.006.384
1. Phải trả dài hạn khác	337	24	17.876.000.000	17.876.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	290.569.962.496	221.826.238.509
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	22.772.333.500	20.611.767.875
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		828.312.793.773	813.513.041.600
I. Vốn chủ sở hữu	410		828.312.793.773	813.513.041.600
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	27	491.999.510.000	491.999.510.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27	22.720.075.000	22.720.075.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	27	(5.939.990.000)	(5.939.990.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	27	117.415.559.259	66.895.435.333
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	27	27.438.003.113	27.438.003.113
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27	168.451.918.370	204.059.505.845
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		81.979.578.048	65.118.793.361
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		86.472.340.322	138.940.712.484
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	28	6.227.718.031	6.340.502.309
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.296.249.205.718	2.060.118.408.979


Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập


Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng


Kim Dong Ju
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.339.874.231.160	1.312.870.038.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.075.119.974	6.935.176.054
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	31	1.338.799.111.186	1.305.934.862.068
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	1.123.481.152.731	1.114.422.424.044
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		215.317.958.455	191.512.438.024
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	7.740.937.210	4.632.174.028
7. Chi phí tài chính	22	35	33.204.240.606	24.901.419.091
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.498.961.166	14.643.382.095
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24		470.769.614	486.514.530
9. Chi phí bán hàng	25		41.384.405.291	31.952.993.274
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		56.012.286.412	51.332.367.878
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		92.928.732.970	88.444.346.339
12. Thu nhập khác	31	36	2.254.913.972	1.653.533.180
13. Chi phí khác	32	37	1.005.565.373	204.123.892
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.249.348.599	1.449.409.288
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		94.178.081.569	89.893.755.627
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	7.838.797.154	6.565.276.515
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(20.271.629)	(355.927.512)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		86.359.556.044	83.684.406.624
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	61		86.472.340.322	84.041.855.174
20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(112.784.278)	(357.448.550)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	1.233	1.284



Phạm Thị Thanh Thủy
 Người lập



Nguyễn Minh Hào
 Kế toán trưởng




Kim Dong Ju
 Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 8 năm 2015


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015


MÃU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>94.178.081.569</i>	<i>89.893.755.627</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	32.210.359.129	28.577.629.825
Các khoản dự phòng	03	(7.237.014.076)	(319.897.192)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.113.328.156	7.625.830.193
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.845.385.518)	(2.137.038.675)
Chi phí lãi vay	06	11.498.961.166	14.643.382.095
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>138.918.330.426</i>	<i>138.283.661.873</i>
Tăng các khoản phải thu	09	(77.659.802.475)	(4.678.866.500)
Tăng hàng tồn kho	10	(1.243.940.201)	(35.979.092.821)
Tăng các khoản phải trả	11	71.275.070.340	6.202.888.641
Tăng chi phí trả trước	12	(26.363.335.033)	(1.482.254.557)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.154.827.129)	(14.830.968.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.895.354.185)	(9.186.450.726)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	25.010.000	19.814.758
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.078.058.482)	(7.244.934.161)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>81.823.093.261</i>	<i>71.103.798.163</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(134.641.197.065)	(40.440.040.932)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.241.089.288	1.166.981.090
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.335.296.307	1.529.239.319
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(132.064.811.470)</i>	<i>(37.743.820.523)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.008.210.194.800	954.088.498.203
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(929.320.708.373)	(970.922.173.086)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(11.064.313.706)	(4.461.469.592)
4. Cổ tức đã trả	36	(58.907.353.680)	(49.087.469.250)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>8.917.819.041</i>	<i>(70.382.613.725)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(41.323.899.168)</i>	<i>(37.022.636.085)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	140.749.128.463	118.096.768.288
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.024.121)	90.111.423
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	<i>70</i>	<i>99.419.205.174</i>	<i>81.164.243.626</i>


 Phạm Thị Thanh Thủy
 Người lập


 Nguyễn Minh Hào
 Kế toán trưởng


 Kim Dong J
 Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 8 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004932 ngày 23 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 13 số 0301446221 ngày 02 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn cổ phần của Công ty là 491.999.510.000 đồng. Cổ đông chính của Công ty là E-land Asia Holdings Pte Ltd, một Công ty thành lập tại Singapore.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 4.822 (31 tháng 12 năm 2014: 4.577).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và thương mại dệt may, chi tiết như sau:

- Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may;
- Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh – thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ;
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc – thiết bị;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; và
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các công ty con**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2015	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công (“Trung tâm Y khoa Thành Công”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	70,94	21.700.000.000 VND	Cung cấp dịch vụ y tế, mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Thành Quang (“Thành Quang”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	97,50	22.000.000.000 VND	Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán vải sợi
Công ty TNHH Một thành viên Thành Công – Vĩnh Long (Thành Công – Vĩnh Long) (*)	Xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	100	26.414.210.976 VND	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bông, xơ, sợi, quần áo, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, hoá chất (trừ hoá chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may
Công ty TNHH TC Tower (**)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	85,33	-	Hoạt động kinh doanh bất động sản

(*) Công ty TNHH MTV Thành Công – Vĩnh Long thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500998966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06 tháng 5 năm 2014. Vốn điều lệ đăng ký của công ty con là 129.000.000.000 đồng. Tại ngày của báo cáo này, Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công đã tiến hành góp vốn vào Thành Công – Vĩnh Long bằng tài sản, máy móc thiết bị với giá trị là 26.414.210.976 đồng.

(**) Công ty TNHH TC Tower (“TC Tower”) thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000794 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2014. Vốn điều lệ đăng ký của công ty con là 159.150.000.000 đồng. Tại ngày của báo cáo này, Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công chưa tiến hành góp vốn vào TC Tower.

Các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2015	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thành Chí (“Thành Chí”)	TP. Vũng Tàu	47,43	43.890.000.000 VND	Mua bán và khai thác cát, đá
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (“TCSC”)	Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	24,75	360.000.000.000 VND	Môi giới chứng khoán, kinh doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2015	Hoạt động chính khoản
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc ("Thành Phúc")	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	23,79	7.000.000.000 VND	Xây dựng và quản lý dự án
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu ("Golf Vũng Tàu")	Bà Rịa, TP. Vũng Tàu	30,00	29.000.000.000 VND	Cung cấp các dịch vụ du lịch và giải trí

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Theo đó, một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 44 - Số liệu so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày tại thuyết minh số 28) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư cổ phiếu của các công ty đại chúng và niêm yết, và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	7 - 15
Tài sản khác	7 - 22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giấy phép bản quyền và phần mềm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 15 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao. Giấy phép bản quyền và phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính là thuê máy móc được khấu hao trong khoảng thời gian từ 10 đến 15 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Nhà cửa và vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính 50 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất tại các Khu công nghiệp Xuyên Á - Tỉnh Long An, Khu công nghiệp Nhì Xuân - Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghiệp Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh và Khu công nghiệp Hòa Phú - Tỉnh Vĩnh Long và các khoản trả trước dài hạn khác (được phân bổ không quá 3 năm). Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 45 đến 58 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty và các công ty con được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông của Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và Điều lệ của các công ty con và các quy định pháp lý của Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng nó không bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán.

Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	861.016.096	461.814.575
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.858.189.078	93.587.313.888
Các khoản tương đương tiền	35.700.000.000	46.700.000.000
	<u>99.419.205.174</u>	<u>140.749.128.463</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn ba tháng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất trung bình từ 5,15% đến 5,2%/năm (kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 6%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Sanmar corporation	18.546.858.317	22.694.998.290
- Eddie Bauer LLC	17.456.835.964	2.959.855
- Các khoản phải thu khách hàng khác	85.949.487.515	79.786.206.504
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
- Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	3.542.449.700	3.165.231.813
- Eland Fashion Hong Kong Limited	539.750.653	2.385.261.588
- Eland World Limited	27.556.182.976	22.961.175.289
- Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	21.447.353.843	1.713.623.088
- Eland Retail Limited	-	1.823.045.028
- Công ty TNHH Eland Việt Nam	40.083.516	100.936.635
- Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	3.897.457.601	834.265.850
	<u>178.976.460.085</u>	<u>135.467.703.940</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho bên thứ ba vay vào năm 2006. Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này được trích lập dự phòng toàn bộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo chính sách kế toán của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	5.798.793.174	3.778.463.748
Ký cược, ký quỹ	281.183.703	401.180.000
Phải thu về cổ tức	2.602.375.000	2.602.375.000
Phải thu khác	11.725.067.614	10.812.918.984
	<u>20.407.419.491</u>	<u>17.594.937.732</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	82.884.666.126	-	66.541.684.138	-
Nguyên liệu, vật liệu	141.266.834.132	-	200.233.929.068	-
Công cụ, dụng cụ	17.403.654.100	-	7.723.197	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	160.064.106.573	-	126.716.300.483	-
Thành phẩm	251.575.854.672	15.074.999.671	245.498.821.239	21.761.969.447
Hàng hóa	4.176.911.179	-	2.909.398.049	-
Hàng gửi bán	1.582.133.028	-	4.401.345.739	-
	<u>658.954.159.810</u>	<u>15.074.999.671</u>	<u>646.309.201.913</u>	<u>21.761.969.447</u>

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	21.761.969.447	13.304.597.502
Trích lập trong kỳ/năm	-	14.264.840.890
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(6.686.969.776)	(5.807.468.945)
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	<u>15.074.999.671</u>	<u>21.761.969.447</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	271.494.293.433	853.923.401.703	17.750.168.126	13.911.652.015	118.824.313.870	1.275.903.829.147
- Tăng trong kỳ	-	3.336.597.941	1.550.869.218	703.036.779	-	5.590.503.938
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	23.664.472.134	710.283.854	179.601.480	739.013.332	25.293.370.800
- Kết chuyển từ bất động sản đầu tư	3.723.823.929	-	-	-	-	3.723.823.929
- Thanh lý	-	(16.603.980.265)	(320.114.000)	(141.296.467)	(3.050.452.761)	(20.115.843.493)
Tại ngày 30/6/2015	275.218.117.362	864.320.491.513	19.691.207.198	14.652.993.807	116.512.874.441	1.290.395.684.321
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	100.495.700.061	515.522.955.589	9.630.464.088	9.692.262.390	87.403.591.821	722.744.973.949
- Khấu hao trong kỳ	2.810.140.571	19.502.781.556	833.648.291	469.176.146	3.177.117.935	26.792.864.499
- Kết chuyển từ bất động sản đầu tư	1.744.315.204	-	-	-	-	1.744.315.204
- Thanh lý	-	(16.513.753.743)	(320.114.000)	(141.296.467)	(2.911.303.527)	(19.886.467.737)
Tại ngày 30/6/2015	105.050.155.836	518.511.983.402	10.143.998.379	10.020.142.069	87.669.406.229	731.395.685.915
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	170.167.961.526	345.808.508.111	9.547.208.819	4.632.851.738	28.843.468.212	558.999.998.406
Tại ngày 31/12/2014	170.998.593.372	338.400.446.114	8.119.704.038	4.219.389.625	31.420.722.049	553.158.855.198

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25, Tập đoàn đã thế chấp nhà cửa và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 280,5 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2014: 264,7 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 367 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2014: 380 tỷ đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	71.341.985.333
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.023.292.082
Tại ngày 30/6/2015	96.365.277.415
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	2.483.658.562
Khấu hao trong kỳ	3.922.915.930
Tại ngày 30/6/2015	6.406.574.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2015	89.958.702.923
Tại ngày 31/12/2014	68.858.326.771

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015 và 30/6/2015	96.334.416.604	3.942.895.847	11.463.521.311	111.740.833.762
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	9.334.369.070	2.558.012.227	2.994.427.239	14.886.808.536
Khấu hao trong kỳ	312.070.506	385.617.310	685.742.676	1.383.430.492
Tại ngày 30/6/2015	9.646.439.576	2.943.629.537	3.680.169.915	16.270.239.028
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2015	86.687.977.028	999.266.310	7.783.351.396	95.470.594.734
Tại ngày 31/12/2014	87.000.047.534	1.384.883.620	8.469.094.072	96.854.025.226

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25, Tập đoàn đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9,6 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2014: 9,7 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Tòa nhà cho thuê VND	Quyền sử dụng đất□ VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	11.620.896.678	109.659.728.902	121.280.625.580
Kết chuyển sang TSCĐHH	(3.723.823.929)	-	(3.723.823.929)
Tại ngày 30/6/2015	7.897.072.749	109.659.728.902	117.556.801.651
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	2.801.398.903	-	2.801.398.903
Khấu hao trong kỳ	111.148.208	-	111.148.208
Kết chuyển sang TSCĐHH	(1.744.315.204)	-	(1.744.315.204)
Tại ngày 30/6/2015	1.168.231.907	-	1.168.231.907
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	6.728.840.842	109.659.728.902	116.388.569.744
Tại ngày 31/12/2014	8.819.497.775	109.659.728.902	118.479.226.677

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25, Tập đoàn đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 6,7 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2014: 110 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Giám đốc không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Tập đoàn có ý định nắm giữ lâu dài cũng như không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2015 VND	2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	20.916.163.961	11.633.469.068
Tăng trong kỳ/năm	226.820.625.091	87.933.559.412
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(25.293.370.800)	(6.213.902.270)
Kết chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(25.023.292.082)	(71.341.985.333)
Kết chuyển khác	(88.056.454.652)	(1.094.976.916)
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	109.363.671.518	20.916.163.961

Trong kỳ, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 1.343.292.368 đồng (6 tháng đầu năm 2014: 662.932.563 đồng).

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án chủ yếu như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Khu căn hộ - Thương mại Thành Công Tower 1	13.121.728.421	12.400.477.320
Dự án nhà máy Thành Công - Vĩnh Long	88.769.838.767	-
Các dự án khác	7.472.104.330	8.515.686.641
	109.363.671.518	20.916.163.961

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	113.046.152.000	113.046.152.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	19.509.590.458	19.038.820.844
	132.555.742.458	132.084.972.844
Lợi thế thương mại	6.384.523.879	6.384.523.879
Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết	126.171.218.579	125.700.448.965
Tổng tài sản	611.295.484.916	518.236.356.363
Tổng công nợ	172.930.228.486	82.750.449.284
Tài sản thuần	438.365.256.430	435.485.907.079
Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết	126.171.218.579	125.700.448.965
	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần	6.696.401.572	3.599.155.993
Lợi nhuận thuần của Công ty từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	470.769.614	486.514.530

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Dệt May Thắng Lợi	1.576.000.000	1.576.000.000
Công ty Dệt May Huế	318.000.000	318.000.000
Công ty Cổ Phần SY Vina	883.450.000	883.450.000
Vietcombank	2.449.600.000	2.449.600.000
	5.352.050.000	5.352.050.000
Dự phòng cho đầu tư dài hạn khác	(1.949.806.400)	(2.499.850.700)
Đầu tư tài chính khác thuần	3.402.243.600	2.852.199.300

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2015	2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	70.275.464.954	77.604.523.018
Tăng trong kỳ/năm	71.803.738.955	118.243.000
Phân bổ chi phí trong kỳ/năm	(3.557.658.714)	(7.447.301.064)
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	138.521.545.195	70.275.464.954

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí thuê đất	135.890.695.906	68.548.112.642
Chi phí khác	2.630.849.289	1.727.352.312
	<u>138.521.545.195</u>	<u>70.275.464.954</u>

18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tập đoàn ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và các kỳ kế toán trước.

	Các khoản dự phòng và chi phí phải trả VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tổng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	1.740.925.581	1.848.378	1.742.773.959
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	298.817.410	(892.782)	297.924.628
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.039.742.991	955.596	2.040.698.587
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	21.227.225	(955.596)	20.271.629
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	2.060.970.216	-	2.060.970.216

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(13.458.823)	(11.388.456)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.074.429.039	2.052.087.043
	<u>2.060.970.216</u>	<u>2.040.698.587</u>

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Các khoản phải trả khác	175.992.491.071	175.992.491.071	116.541.211.772	116.541.211.772
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	54.442.673.156	54.442.673.156	8.139.709.455	8.139.709.455
- Eland World Limited	3.232.969.740	3.232.969.740	4.128.022.920	4.128.022.920
- Công ty TNHH Eland Việt Nam	2.228.535.360	2.228.535.360	-	-
	<u>235.896.669.327</u>	<u>235.896.669.327</u>	<u>128.808.944.147</u>	<u>128.808.944.147</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.720.802.998	2.777.360.029
Thuế thu nhập cá nhân	1.518.541.010	782.876.173
Thuế giá trị gia tăng	3.050.285	-
Thuế khác	6.643.930	-
	<u>6.249.038.223</u>	<u>3.560.236.202</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.932.892.907	5.245.466.502
Chi phí thuê đất (*)	41.153.154.545	-
Chi phí khác	4.175.912.829	5.520.802.338
	<u>51.261.960.281</u>	<u>10.766.268.840</u>

(*) Chi phí thuê đất thể hiện số tiền chưa thanh toán liên quan đến việc thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Phú - Tỉnh Vĩnh Long.

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.238.586.055	1.074.125.964
Cổ tức phải trả	118.884.570	29.566.537.650
Phải trả khác	4.107.585.845	1.394.843.017
	<u>5.465.056.470</u>	<u>32.035.506.631</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	600.873.853.249	600.873.853.249	924.678.113.974	899.671.939.907	575.867.679.182	575.867.679.182
- Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	38.390.324.262	38.390.324.262	60.031.583.587	40.757.435.326	19.116.176.001	19.116.176.001
- Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	239.323.485.671	239.323.485.671	315.215.706.960	317.919.037.379	242.026.816.090	242.026.816.090
- Ngân hàng Standard Chartered	29.028.891.310	29.028.891.310	82.192.822.137	79.426.998.570	26.263.067.743	26.263.067.743
- BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	107.144.700.061	107.144.700.061	147.579.780.788	122.545.333.981	82.110.253.254	82.110.253.254
- HSBC	42.270.437.883	42.270.437.883	115.519.835.319	132.096.622.073	58.847.224.637	58.847.224.637
- Vietinbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	132.858.515.681	132.858.515.681	185.267.701.764	185.256.926.657	132.847.740.574	132.847.740.574
- Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	11.857.498.381	11.857.498.381	18.870.683.419	21.669.585.921	14.656.400.883	14.656.400.883
Nợ dài hạn đến hạn trả	75.333.213.425	75.333.213.425	50.138.602.597	45.840.550.888	71.035.161.716	71.035.161.716
- Vay dài hạn đến hạn trả	49.398.030.843	49.398.030.843	31.886.354.243	34.771.875.400	52.283.552.000	52.283.552.000
- Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	25.935.182.582	25.935.182.582	18.252.248.354	11.068.675.488	18.751.609.716	18.751.609.716
	676.207.066.674	676.207.066.674	974.816.716.571	945.512.490.795	646.902.840.898	646.902.840.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09 a -DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tập đoàn có các hợp đồng tín dụng ngắn hạn để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng	Tài sản thế chấp
Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.000.000 USD	1 năm	Hàng tồn kho
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	450.000.000.000 VND	1 năm	Tài sản cố định
Ngân hàng Standard Chartered	10.000.000 USD	5 năm	Thư bảo lãnh của E-land World Ltd
BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	280.000.000.000 VND	1 năm	Hàng tồn kho
HSBC	5.000.000 USD	1 năm	Hàng tồn kho
Vietinbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000 VND	Dưới 1 năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	50.000.000.000 VND	1 năm	Hàng tồn kho

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản phải nộp vào Kho bạc Nhà nước cho giá trị tăng thêm khi định giá các lô đất mà Công ty được giao hoặc thuê tại thời điểm cổ phần hóa năm 2004. Theo báo cáo định giá tài sản ngày 28 tháng 9 năm 2005, trong số các lô đất, có 5 lô đất với tổng diện tích 36.716 m² đã được định giá lại. Khoản tiền này sẽ được trả khi Công ty hoàn tất việc chuyển giao quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay dài hạn	258.563.401.000	258.563.401.000	97.421.425.000	31.480.966.843	192.622.942.843	192.622.942.843
- Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	97.047.246.000	97.047.246.000	84.960.630.000	2.961.504.000	15.048.120.000	15.048.120.000
- E-Land Asia Holdings Pte Ltd	152.880.000.000	152.880.000.000	3.360.000.000	-	149.520.000.000	149.520.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	8.636.155.000	8.636.155.000	8.636.155.000	-	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	672.342.843	672.342.843	672.342.843
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	464.640.000	27.847.120.000	27.382.480.000	27.382.480.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	32.006.561.496	32.006.561.496	20.773.132.600	17.969.866.770	29.203.295.666	29.203.295.666
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	32.006.561.496	32.006.561.496	20.773.132.600	17.969.866.770	29.203.295.666	29.203.295.666
	290.569.962.496	290.569.962.496	118.194.557.600	49.450.833.613	221.826.238.509	221.826.238.509

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản vay dài hạn Tập đoàn nhận được từ các ngân hàng trong nước và các cổ đông, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng
E-land Asia Holdings Pte.Ltd	04/2010	1.000.000 USD	3 năm
E-land Asia Holdings Pte. Ltd	01/2011	6.000.000 USD	3 năm
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0016/DTDA/13CD	23.830.000.000 VND	5 năm
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0026/DTDA/13CD	927.359 USD	5 năm
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0008/DTDA/15CD	140.202.000.000 VND	6 năm
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	46/HĐTĐ TW	22.000.000.000 VND	12 năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	130-000-167516	165.200.000.000 VND	3 năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	72.13.10/CTTC	615.200 USD	3 năm
	72.13.11/CTTC	324.960 USD	3 năm
	72.14.06/CTTC	386.400 USD	3 năm
	72.14.07/CTTC	555.555 USD	3 năm
	72.14.08/CTTC	535.200 USD	3 năm
	72.14.09/CTTC	216.321,6 USD	3 năm
	72.14.15/CTTC	232.800 USD	3 năm
	72.14.16/CTTC	394.400 USD	3 năm
	72.15.01/CTTC	81.600 USD	3 năm
	72.15.02/CTTC	213.921,6 USD	3 năm

Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	49.398.030.843	52.283.552.000
Trong năm thứ hai	5.923.008.000	33.847.654.843
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	252.640.393.000	158.775.288.000
	<u>307.961.431.843</u>	<u>244.906.494.843</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	49.398.030.843	52.283.552.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>258.563.401.000</u></u>	<u><u>192.622.942.843</u></u>

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản thuê máy móc từ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính	60.813.169.075	51.767.456.611	60.716.485.128	51.562.391.617
Trong vòng một năm	27.861.592.935	21.080.595.994	27.822.577.980	21.012.358.580
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	32.951.576.140	30.686.860.617	32.893.907.148	30.550.033.037
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	2.871.424.997	3.812.551.229	2.774.741.050	3.607.486.235
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	57.941.744.078	47.954.905.382	57.941.744.078	47.954.905.382
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			25.935.182.582	18.751.609.716
Số phải trả sau 12 tháng			32.006.561.496	29.203.295.666

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích theo chính sách của Công ty..

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Danh sách các cổ đông chính của Công ty nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên và các cổ đông khác được chốt bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") tại ngày 04 tháng 6 năm 2015 và 22 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Tại ngày 04/6/2015			Tại ngày 22/12/2014		
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
E-Land Asia Holdings Pte Ltd	21.270.799	43,23	212.707.990.000	21.270.799	43,23	212.707.990.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam Vinatex (*)	9	-	90.000	9	-	90.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	24	-	240.000	15	-	150.000
Khác	27.828.669	56,57	278.286.690.000	27.828.678	56,57	278.286.780.000
Cổ phiếu quỹ	100.450	0,20	1.004.500.000	100.450	0,20	1.004.500.000
	49.199.951	100	491.999.510.000	49.199.951	100	491.999.510.000

(*) Vinatex là cổ đông Nhà nước

Cổ phiếu

	30/6/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	49.199.951	49.199.951
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.450	100.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.099.501	49.099.501

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	2.110.908.440	40.080.890.995	15.086.185.164	169.801.475.131	735.859.054.730
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	168.400.413.084	168.400.413.084
Phân phối quỹ	-	-	-	12.351.817.949	12.351.817.949	12.351.817.949	(55.583.180.770)	(18.527.726.923)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(78.559.201.600)	(78.559.201.600)
Tại ngày 01/01/2015	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	14.462.726.389	52.432.708.944	27.438.003.113	204.059.505.845	807.172.539.291
Kết chuyển quỹ theo hướng dẫn Thông tư 200	-	-	-	52.432.708.944	(52.432.708.944)	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	86.472.340.322	86.472.340.322
Phân phối quỹ	-	-	-	50.520.123.926	-	-	(92.620.227.197)	(42.100.103.271)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(29.459.700.600)	(29.459.700.600)
Tại ngày 30/6/2015	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	117.415.559.259	-	27.438.003.113	168.451.918.370	822.085.075.742

Theo biên bản Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2015 số 01/2015/BB-ĐHCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2015, các cổ đông Công ty đã phê duyệt kế hoạch trích lập cho quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 15%, 15% và 25% từ lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2014.

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2015, các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 12% mệnh giá cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được tính như sau:

	Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Thành Quang VND	Thành Công - Vĩnh Long VND
Vốn điều lệ của công ty con	21.700.000.000	22.000.000.000	26.414.210.976
<i>Trong đó:</i>			
Vốn góp từ Công ty	15.395.000.000	21.450.000.000	26.414.210.976
Vốn góp từ cổ đông thiểu số	6.305.000.000	550.000.000	-
Tỷ suất lợi ích cổ đông không kiểm soát	29,06%	2,50%	-

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Thành Quang VND	Thành Công - Vĩnh Long VND	Tổng VND
Tổng tài sản	21.886.157.599	22.000.000.000	210.913.858.758	254.800.016.357
Tổng công nợ	2.344.732.852	-	187.962.955.429	190.307.688.281
Tài sản thuần	19.541.424.747	22.000.000.000	22.950.903.329	64.492.328.076
<i>Trong đó:</i>				
Vốn góp chủ sở hữu	21.700.000.000	22.000.000.000	26.414.210.976	70.114.210.976
Thặng dư vốn cổ phần	(1.340.000.000)	-	-	(1.340.000.000)
Lỗi lũy kế	(818.575.253)	-	(3.463.307.647)	(4.281.882.900)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	5.677.718.031	550.000.000	-	6.227.718.031
<i>Trong đó:</i>				
Vốn góp chủ sở hữu	6.305.000.000	550.000.000	-	6.855.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(389.404.000)	-	-	(389.404.000)
Lỗi lũy kế	(237.877.969)	-	-	(237.877.969)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Thành Quang VND	Thành Công - Vĩnh Long VND	Tổng VND
Lỗi sau thuế của công ty con	(388.108.315)	-	(3.463.307.647)	(3.851.415.962)
Lỗi sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(112.784.278)	-	-	(112.784.278)

Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát trong kỳ như sau:

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	7.055.000.000	(389.404.000)	(325.093.691)	6.340.502.309
Lỗi trong kỳ	-	-	(112.784.278)	(112.784.278)
Số dư tại ngày 30/6/2015	7.055.000.000	(389.404.000)	(437.877.969)	6.227.718.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Đô la Mỹ ("USD")	2.525.157	3.938.287
- Yên Nhật ("JPY")	100.065	100.791
- Euro ("EUR")	<u>227</u>	<u>232</u>

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
May mặc và dệt may		
Doanh thu	1.322.545.863.158	1.284.206.209.295
Giá vốn	1.113.342.833.959	1.097.898.575.958
Lợi nhuận gộp	<u>209.203.029.199</u>	<u>186.307.633.337</u>
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe		
Doanh thu	12.621.013.333	12.962.208.308
Giá vốn	10.085.031.269	10.717.263.947
Lợi nhuận gộp	<u>2.535.982.064</u>	<u>2.244.944.361</u>
Khác		
Doanh thu	3.632.234.695	8.766.444.465
Giá vốn	53.287.503	5.806.584.139
Lợi nhuận gộp	<u>3.578.947.192</u>	<u>2.959.860.326</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Tập đoàn không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do không đủ cơ sở để tiến hành chia tách.

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong nước		
Doanh thu	140.712.845.562	137.842.386.865
Giá vốn	117.853.688.302	117.770.674.968
Lợi nhuận gộp	<u>22.859.157.260</u>	<u>20.071.711.897</u>
Xuất khẩu		
Doanh thu	1.198.086.265.624	1.168.092.475.203
Giá vốn	1.005.627.464.429	996.651.749.076
Lợi nhuận gộp	<u>192.458.801.195</u>	<u>171.440.726.127</u>

Báo cáo tài chính hợp nhất không trình bày báo cáo bộ phận theo tài sản do Ban Giám đốc không có thông tin về bộ phận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Sản phẩm vải và may mặc	1.274.023.355.003	1.264.382.459.112
Phí gia công	46.980.390.647	26.758.926.237
Khác	18.870.485.510	21.728.652.773
	1.339.874.231.160	1.312.870.038.122
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại/giảm giá	(1.075.119.974)	(6.935.176.054)
	1.338.799.111.186	1.305.934.862.068

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	674.963.774.888	751.582.065.389
Chi phí nhân công	220.765.412.377	169.823.345.265
Chi phí khấu hao	28.228.849.449	25.479.286.055
Chi phí sản xuất chung	189.111.945.495	161.731.143.196
Chi phí khác	10.411.170.522	5.806.584.139
	1.123.481.152.731	1.114.422.424.044

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	650.869.097.772	716.552.185.390
Chi phí nhân công	243.973.742.276	213.637.797.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.210.359.129	28.577.629.825
Chi phí dịch vụ bên ngoài	275.404.987.376	192.055.811.831
Chi phí khác	55.068.689.195	45.448.784.264
	1.257.526.875.748	1.196.272.209.255

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.186.652.372	1.247.716.338
Cổ tức được chia	176.250.000	176.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.378.034.838	3.208.207.690
	7.740.937.210	4.632.174.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền vay (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng các khoản dự phòng đầu tư tài chính	11.498.961.166 (550.044.300)	14.643.382.095 19.528.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.141.995.584	2.606.238.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.113.328.156	7.625.830.193
Khác	-	6.440.000
	<u><u>33.204.240.606</u></u>	<u><u>24.901.419.091</u></u>

36. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.011.713.532	226.557.807
Thu thanh lý, nhượng bán vật tư	398.288.524	1.272.727
Thu nhập khác	844.911.916	1.425.702.646
	<u><u>2.254.913.972</u></u>	<u><u>1.653.533.180</u></u>

37. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi từ thanh lý, nhượng bán vật tư	45.670.979	-
Chi phí khác	959.894.394	204.123.892
	<u><u>1.005.565.373</u></u>	<u><u>204.123.892</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	94.178.081.569	89.893.755.627
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	4.734.626.850	4.752.983.258
- Tăng thu nhập chịu thuế	11.869.968.678	10.918.685.136
- Giảm nhập chịu thuế	(7.135.341.828)	(6.165.701.878)
Thu nhập chịu thuế	98.912.708.419	94.646.738.885
Trong đó:		
+ Thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	98.912.708.419	95.366.234.337
+ Thu nhập từ dịch vụ cho thuê văn phòng	-	-
+ Thu nhập khác	-	(719.495.452)
Thuế suất áp dụng		
+ Đối với thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	15%	15%
+ Đối với thu nhập từ dịch vụ cho thuê văn phòng	20%	20%
+ Đối với thu nhập khác	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.836.906.263	14.304.935.151
Miễn thuế	(7.418.453.131)	(7.152.467.576)
Điều chỉnh kỳ trước	420.344.022	(587.191.060)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.838.797.154	6.565.276.515

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% trong 12 năm từ 2006 đến 2017 đối với các hoạt động chính tại khu công nghiệp. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo được quy định tại Điều 36, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004, Nghị định số 164/2003/ND-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2004. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có lợi nhuận chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với hoạt động dịch vụ cho thuê văn phòng trong khu công nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trong 10 năm từ 2006 đến 2015. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo căn cứ theo Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có lợi nhuận chịu thuế. Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015, Công ty áp dụng mức 20% thuế thu nhập doanh nghiệp cho lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động này.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22%.

Các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22%. Các công ty con không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do các công ty con không có thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới và số liệu của kỳ báo cáo trước cũng được phân loại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	86.472.340.322	84.041.855.174
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.941.702.097	21.010.463.794
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	60.530.638.225	63.031.391.380
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.099.501	49.099.501
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.233	1.284

40. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4.135.451.633	1.894.746.662

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.140.971.599	8.290.121.879
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	30.555.213.062	30.586.787.517
Sau năm năm	65.133.015.655	66.209.576.760
	103.829.200.316	105.086.486.156

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê đất tại Quận Tân Phú – Thành phố Hồ Chí Minh và phí quản lý tại Khu công nghiệp Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh. Các điều khoản hợp đồng và phí thuê được quy định cụ thể tại mỗi hợp đồng.

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn (bao gồm vốn góp chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tập đoàn tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	966.777.029.170	868.729.079.407
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(99.419.205.174)	(140.749.128.463)
Nợ thuần	867.357.823.996	727.979.950.944
Vốn chủ sở hữu	828.312.793.773	813.513.041.600
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,05</u>	<u>0,89</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.419.205.174	140.749.128.463
Phải thu khách hàng và phải thu khác	190.922.185.232	146.502.448.935
Các khoản đầu tư	2.767.600.000	2.767.600.000
Các khoản ký quỹ	316.183.703	436.180.000
	<u>293.425.174.109</u>	<u>290.455.357.398</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	57.941.744.078	47.954.905.382
Các khoản vay	908.835.285.092	820.774.174.025
Phải trả người bán và phải trả khác	241.361.725.797	160.844.450.778
Chi phí phải trả ngắn hạn	51.261.960.281	10.766.268.840
	<u>1.259.400.715.248</u>	<u>1.040.339.799.025</u>

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm lập báo cáo như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	231.634.472.177	217.620.592.371	955.674.116.776	902.918.377.056
Euro (EUR)	5.485.867	6.006.132	788.626.905	240.861.065
Yên Nhật (JPY)	17.778.549	17.931.727	-	-
	231.657.736.593	217.644.530.230	956.462.743.681	903.159.238.121

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tập đoàn chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tập đoàn trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tập đoàn sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	VND	VND
USD	(36.201.982.230)	(37.705.251.710)
EUR	(39.157.052)	(62.869.149)
	(36.241.139.282)	(37.768.120.859)

Áp dụng phân tích tương tự đối với Đồng Yên Nhật, mức tăng/giảm của Đồng Yên Nhật không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tập đoàn.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tập đoàn từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 9.088.352.851 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 8.905.923.123 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tập đoàn đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**36 Đường Tây Thanh, Phường Tây Thanh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

30/6/2015	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.419.205.174	-	99.419.205.174
Phải thu khách hàng và phải thu khác	190.922.185.232		190.922.185.232
Các khoản đầu tư	-	2.767.600.000	2.767.600.000
Các khoản ký quỹ	281.183.703	35.000.000	316.183.703
	290.622.574.109	2.802.600.000	293.425.174.109
Các khoản nợ thuê tài chính	25.935.182.582	32.006.561.496	57.941.744.078
Các khoản vay	650.271.884.092	258.563.401.000	908.835.285.092
Phải trả người bán và phải trả khác	241.361.725.797	-	241.361.725.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	51.261.960.281	-	51.261.960.281
	968.830.752.752	290.569.962.496	1.259.400.715.248
Chênh lệch thanh khoản thuần	(678.208.178.643)	(287.767.362.496)	(965.975.541.139)
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.749.128.463	-	140.749.128.463
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.502.448.935	-	146.502.448.935
Các khoản đầu tư	-	2.767.600.000	2.767.600.000
Các khoản ký quỹ	401.180.000	35.000.000	436.180.000
	287.652.757.398	2.802.600.000	290.455.357.398
Các khoản nợ thuê tài chính	18.751.609.716	29.203.295.666	47.954.905.382
Các khoản vay	628.151.231.182	192.622.942.843	820.774.174.025
Phải trả người bán và phải trả khác	160.844.450.778	-	160.844.450.778
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.766.268.840	-	10.766.268.840
	818.513.560.516	221.826.238.509	1.040.339.799.025
Chênh lệch thanh khoản thuần	(530.860.803.118)	(219.023.638.509)	(749.884.441.627)

Bất chấp các chênh lệch thanh khoản hiện tại, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bằng việc duy trì tối thiểu một số các khoản tín dụng sẵn sàng sử dụng. Hạn mức tín dụng còn lại của các khoản vay có thể sử dụng được trình bày tại Thuyết minh số 23 và số 25.

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

E-land Asia Holdings Pte Ltd
 Công ty Cổ phần Thành Chí
 Eland World Limited
 Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd
 Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd
 Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd
 Eland Fashion Hong Kong Limited
 Eland Retail Limited
 Công ty TNHH Eland Việt Nam
 Công ty Cổ Phần S.Y VINA
 Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
 Công ty liên kết
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Bán hàng		
Eland World Limited	218.402.201.999	130.743.994.354
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	91.160.196.543	49.348.785.655
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	49.896.830.992	25.802.430.553
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	15.318.908.511	6.425.626.340
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	-	11.744.727
Eland Fashion Hong Kong Limited	9.461.762.175	1.789.915.544
Eland Retail Limited	779.483.161	4.818.051.452
Công ty TNHH Eland Việt Nam	434.332.787	1.049.640.157
Mua hàng		
Eland World Limited	21.877.403.024	24.755.982.453
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	72.814.476.861	26.378.911.746
Công ty TNHH Eland Việt Nam	2.025.941.236	72.391.200
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	30.058.000	-
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	1.575.603.526	250.063.995
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	762.626.793	231.062.729
Lãi vay		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	721.251.101	662.932.563
Cổ tức công bố cho		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	25.524.958.800	21.270.799.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.434.130.322	5.974.634.701

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

36 Đường Tây Thanh, Phường Tây Thanh, Quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	3.542.449.700	3.165.231.813
Eland Fashion Hong Kong Limited	539.750.653	2.385.261.588
Eland World Limited	27.556.182.976	22.961.175.289
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	21.447.353.843	1.713.623.088
Eland Retail Limited	-	1.823.045.028
Công ty TNHH Eland Việt Nam	40.083.516	100.936.635
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	3.897.457.601	834.265.850
	<u><u> </u></u>	<u><u> </u></u>
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Thành Chí	2.602.375.000	2.602.375.000
	<u><u> </u></u>	<u><u> </u></u>
Các khoản phải trả		
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	54.442.673.156	8.139.709.455
Eland World Limited	3.232.969.740	4.128.022.920
Công ty TNHH Eland Việt Nam	2.228.535.360	-
	<u><u> </u></u>	<u><u> </u></u>
Vay phải trả		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	152.880.000.000	149.520.000.000
	<u><u> </u></u>	<u><u> </u></u>
Lãi vay phải trả		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	5.398.868.530	4.677.617.429
	<u><u> </u></u>	<u><u> </u></u>

43. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tiền chi trả cổ tức trong kỳ không bao gồm khoản tiền 118.884.570 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 109.310.550 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại VND	Số sau phân loại VND
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	19.714.388.743	-	19.714.388.743
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	4.500.000.000	4.500.000.000
2. Đầu tư ngắn hạn	121	6.350.301.999	(6.350.301.999)	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(1.850.301.999)	1.850.301.999	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	1.850.301.999	1.850.301.999
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	13.416.462.462	4.178.475.270	17.594.937.732
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(2.381.717.467)	(1.850.301.999)	(4.232.019.466)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	1.168.478	1.168.478
8. Tài sản ngắn hạn khác	155	4.179.643.748	(4.179.643.748)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	35.000.000	-	35.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	35.000.000	35.000.000
2. Tài sản dài hạn khác	268	35.000.000	(35.000.000)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	19.749.388.743	-	19.749.388.743
NGUỒN VỐN				
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	66.895.435.333	-	66.895.435.333
1. Quỹ đầu tư phát triển	418	14.462.726.389	52.432.708.944	66.895.435.333
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	52.432.708.944	(52.432.708.944)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=400)	440	66.895.435.333	-	66.895.435.333

45. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 18 tháng 8 năm 2015.



Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập



Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng



Kim Dong Ju
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 8 năm 2015